

VAI TRÒ CỦA ĐỨC DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

○ TS. NGUYỄN THỊ THỌ*

1. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục (GD). Người không định, GD phải toàn diện. Bác chỉ rõ: GD phải phục vụ đường lối của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống nhân dân... trong việc GD và học tập phải chú trọng đủ các mặt, đạo đức (ĐĐ) cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kĩ thuật, lao động sản xuất. Cần xác định rõ cho người học mục đích của việc học tập là: «Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp, nhân dân, Tổ quốc và nhân loại». Người xác định: trong GD phải quan tâm đến cả «tài» và «đức», làm sao để «tài» và «đức» được vẹn toàn. Bác dạy: «Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó». Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh ĐĐ là quan trọng, giáo dục đạo đức (GDDĐ) là cần thiết và suốt đời. Qua đó cho chúng ta thấy, công tác GDDĐ có một ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm đào tạo những con người vừa «hồng», vừa «chuyên», góp phần xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐ, GDDĐ và từ thực tiễn lịch sử của đất nước, có thể thấy rằng, vấn đề GD-ĐT con người phát triển toàn diện: Đức - Trí - Thể - Mĩ đã được đặt ra từ lâu, song hiện tại lại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã nêu rõ: «Đổi mới căn bản, toàn diện nền GD theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học; đổi mới cơ chế quản lí GD, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí GD-ĐT. Tập trung nâng cao chất lượng GD-ĐT, coi trọng GDDĐ, lối sống, năng lực sáng tạo, kĩ năng thực hành» (1). Trong Chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện GD đào tạo hiện nay Đảng ta xác định: «Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng GD-ĐT. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học,

phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng GD toàn diện, đặc biệt coi trọng GD lí tưởng, GD truyền thống lịch sử cách mạng, ĐĐ, lối sống, năng lực sáng tạo, kĩ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội»(2).

Như vậy, định hướng của Đảng ta về GD-ĐT trong tình hình mới đã cho thấy việc GDDĐ, lối sống, lí tưởng sống cho HS, SV là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược GD hiện nay. Mỗi môn học, mỗi khoa học đóng góp một phần quan trọng nhất định vào việc đào tạo, phát triển toàn diện con người, trong đó GDDĐ đóng góp một phần không nhỏ. Đào tạo ra những người công dân vừa «hồng», vừa «chuyên», vừa có «đức», vừa có «tài» đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, hội nhập và phát triển như hiện nay là nhiệm vụ của ngành GD nói riêng và toàn xã hội nói chung. Xã hội càng phát triển, biến đổi, cùng với đòi hỏi của sự nghiệp GD toàn diện thì vai trò của đức dục lại càng cần được đặc biệt quan tâm.

Đức dục là một quá trình lâu dài và xuyên suốt trong cuộc đời của mỗi con người, ngay từ khi cắp sách tới trường (và cả trước đó nữa) mỗi người đã được cảm thụ quá trình đức dục qua lời ru của bà, của mẹ, qua lời dạy bảo của những người lớn trong gia đình, qua những bài học từ thầy cô. Càng tiến đến những bậc học cao hơn thì vai trò của những tri thức ĐĐ càng được khẳng định. Khi con người trưởng thành, hoạt động nghề nghiệp trong những lĩnh vực khác nhau thì đức dục lại được thể hiện sâu sắc đối với từng ngành nghề cụ thể nhất định mà người ta gọi là ĐĐ nghề nghiệp. Xã hội càng vận động, biến đổi, phát triển, nhiều ngành nghề xuất hiện, phát triển thì ĐĐ nghề nghiệp lại càng cần được chú trọng.

Hiện nay, ở một số trường đại học, đức dục

* Khoa Triết học - Trường Đại học sư phạm Hà Nội

đã có những chỗ đúng nhất định trong chương trình học, trở thành môn học bắt buộc với số đơn vị học trình khá cao, quá trình đúc đục được thực hiện gắn với tính đặc thù nghề nghiệp của từng trường, từng ngành học (Ví dụ, ở trường Đại học Quản trị kinh doanh, SV được học *Đạo đức kinh doanh*; Đại học Y, SV được học *Đạo đức của ngành Y* (y đức của người bác sĩ); Đại học An Ninh, Học viện Cảnh sát nhân dân, SV học *ĐĐ nghề nghiệp - ĐĐ của người công an...*). Tuy nhiên, ở khá nhiều trường đại học, môn học này chưa được coi trọng đúng mức, có những trường trong chương trình không có môn *Đạo đức học* (môn học đóng vai trò quan trọng trong GDDD trực tiếp cho SV), nhiều SV khi được hỏi không biết «lễ sống», «luong tâm», «nghĩa vụ» là gì... Thậm chí ở những trường đại học lớn như Đại học sư phạm Hà Nội hay Đại học Khoa học xã hội và nhân văn không phải SV tất cả các khoa đều được học môn *Đạo đức học*. Và ở những khoa có học thì chương trình học cũng chưa có sự thống nhất về nội dung. Hơn nữa, đội ngũ giảng dạy môn *Đạo đức học* được đào tạo đúng chuyên ngành là không nhiều, chỉ là kiêm nhiệm hoặc chuyển từ những chuyên ngành khác sang. Trong khi đó môn *Đạo đức học* là một khoa học, có lịch sử hình thành, có đối tượng nghiên cứu rất rõ rệt, đòi hỏi phải có những nghiên cứu chuyên sâu để khai thác hết những nội dung của môn học, để truyền tải cho các thế hệ HS.

Qua thực tế giảng dạy môn *Đạo đức học* ở trường Đại học sư phạm Hà Nội, chúng tôi thấy rằng, khi được học môn *Đạo đức học*, nhiều SV rất thích thú, có những SV thông qua bài học, thông qua mỗi phạm trù, mỗi nguyên tắc ĐĐ... đã có những suy tư, những trăn trở, suy nghĩ về gia đình, quê hương, đất nước, về trách nhiệm của bản thân rất tích cực. Có những giờ học, thông qua những hình ảnh, những câu chuyện ĐĐ, những hiện tượng ĐĐ trong xã hội đã thực sự có tác động đến thế giới quan của SV, đã tạo ra những giờ học có ý nghĩa «đúc đục» rất lớn, nhiều SV mong muốn được học nhiều hơn nữa những giờ *Đạo đức học* để hiểu thêm về luân thường đạo lý, đạo nghĩa ở đời.

3. Việt Nam đang chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung, bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tác động hai mặt của kinh tế thị trường đang làm thay đổi nhiều chuẩn mực ĐĐ, điều chỉnh các hành vi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ; nhiều biểu hiện của sự xuống

cấp về một ĐĐ đang diễn ra trong gia đình, nhà trường và xã hội. Nhiều HS, SV có lối sống buông thả, ăn chơi, đua đòi, không quan tâm đến trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và xã hội, sống ít ước mơ, hoài bão. Lối sống thực dụng, đua đòi vật chất, đi theo sự cám dỗ của đồng tiền, chà đạp lên luân lý, quay lưng lại với những giá trị ĐĐ truyền thống... đang ngự trị ở không ít người. Đặc biệt, trong những năm gần đây tình trạng bạo lực học đường đang có chiều hướng gia tăng và đã gây nên những hồi chuông cảnh báo cho sự xuống cấp về ĐĐ trong giới trẻ. Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS, SV cũng đang có sự thay đổi. Thay cho việc lựa chọn những ngành nghề được hi sinh, cống hiến nhiều cho xã hội là việc lựa chọn những ngành nghề kiếm ra nhiều tiền sau khi ra trường...

Đứng trước tình hình đó, thậm chí những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ĐĐ, từ vai trò, vị trí của *đức dục* trong sự nghiệp GD-ĐT chúng ta thấy rằng cùng với việc «luyện tài» cho HS, SV, thì «rèn đức» là vô cùng quan trọng. Vì, Bác Hồ đã từng nói: «Có tài mà không có đức là người vô dụng/Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó».

Nhiệm vụ của GD nói chung, của các trường đại học, và đội ngũ nhà giáo nói riêng là không chỉ GD SV vươn lên chiếm lĩnh những giá trị cao quý, những tinh hoa của loài người và của dân tộc; giúp thế hệ trẻ dần dần làm chủ kho tàng tri thức văn hóa của nhân loại; trau dồi cho thế hệ trẻ một vốn hiểu biết về khoa học, kĩ thuật cơ bản, thiết thực, vững chắc; rèn luyện cho các em những kĩ năng lao động và thực hành; mà đặc biệt bên cạnh đó còn cần phải GD cho các em lí tưởng sống, ĐĐ cách mạng, tình yêu người, yêu nghề... để các em trở thành những người chủ tương lai thực sự của đất nước.

Để Việt Nam hội nhập sánh vai được với các nước trên thế giới; để tạo ra được một lớp người có khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, có phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại như Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra, cần chú ý nhiều hơn nữa đến vai trò, vị trí của *đức dục* trong các trường học. Để làm được như vậy, phải đưa môn *Đạo đức học* trở thành một môn học bắt buộc trong chương trình học của các trường đại học, cao đẳng. □

(Xem tiếp trang 26)

lời và chế vì lời? Có ai không? Có ai là hoàng đế của lời? Cũng là thần tử của lời? Ai là tâm phúc với lời? Là hi vọng của lời? Cũng là địa ngục của lời? (3; tr.97).

Có lẽ nghề nghiệp không làm cho con người sang trọng lên mà chính con người mới tạo nên các giá trị của mình. Khi xã hội thiếu đi những chuẩn mực giá trị hoặc con người rơi vào khủng hoảng niềm tin thì sự hoài nghi là lẽ tất yếu. Không phải xấu, cũng không phải tốt; vừa cảm ghét, sợ hãi vừa cảm phục quả là một trạng thái tâm lý phức tạp, đối nghịch thật khó cất nghĩa. Phải chăng, hình tượng Trương Chi là hình ảnh sinh động, ấn tượng và bi kịch đó, cũng là tâm sự sâu kín của nhà văn, ba lần viết quan trường báo Trương Chi hát: Lần thứ nhất: «Hát ca ngọt công danh đi», lần thứ hai: «Hát về sự nhẩn nhực», lần thứ ba: «Hát ca ngọt tiền bạc đi». Ca ngọt. Nhẩn nhực. Nếu văn chương chỉ để nhẩn nhực, để ca ngọt công danh tiền bạc thì đó là thứ văn chương «thô bỉ», như một sự nhẩn nhực «đề hèn»: «Chưa bao giờ chàng hát một bài hát thô bỉ như thế. Bài hát chỉ toàn «ấy a» với lại «khuyế dồ» Bài hát đồng người» (3; tr.312) và «Có chỗ còn bất chức tiếng chó sủa, tiếng gà cục tác, tiếng dê kêu nữa. Bài hát đồng người» (3; tr.313). Nguyễn Huy Thiệp viết về số phận bi kịch của con người rất ám ảnh, đầy chất thơ. Nói như Nguyễn Đăng Điệp, tác giả đã để cho «nguồn mạch trữ tình rịn trên những thơ đã trần tục của cuộc đời, tạo nên một thứ hương riêng, phảng phất nhưng không thể thiếu» (4). Và nhờ vậy «văn Nguyễn Huy Thiệp mê hoặc người khác, và các cây bút khác khó lòng bắt chước ông bởi khả năng tạo nên sự cheo leo, chênh vênh giữa các cực đối lập, giữa các mã ngôn ngữ khác nhau, giữa tính trữ tình và những ý tưởng sâu xa khi suy tư về đời sống» (4).

3. Cho đến hôm nay, sự tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp vẫn chưa đến hồi kết. Điều đáng quý ở Nguyễn Huy Thiệp là lòng dũng cảm. Dũng cảm nhìn vào sự thật để trình bày hiện thực đúng theo những gì mình thấy, những gì mình nghĩ. Tác phẩm của ông đã cho ta thấy rằng «Cuộc sống như một dòng sông, có cả sự trong veo tinh khiết đến ngỡ ngàng của nước, có cả rác rưởi đang trôi» (4). Và từ đó «ông giúp chúng ta hiểu hơn về nước, về rác bằng một cái nhìn tinh tế và sâu sắc. Từ đó ông thức tỉnh một

khao khát, bỏ rác đi ta sẽ gặp sự trong trẻo của dòng sông» (4). Những suy tư, trăn trờ mang đậm yếu tố trữ tình của nhà văn về thân phận và tình yêu, thiện và ác, sáng và tối, cao thượng và thấp hèn, người và quỷ... bên trong con người khiến chúng ta có thể kết luận rằng Nguyễn Huy Thiệp đã viết được những áng văn «giản dị và trung thực về con người». □

(1) Phạm Xuân Nguyên (sưu tầm và biên soạn). *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*. NXB Văn hóa thông tin, H. 2001.

(2) Lê Bá Hán - Trần Đình Sử. *Từ điển thuật ngữ văn học*. H. 2007, tr.18.

(3) Nguyễn Huy Thiệp. *Tập truyện ngắn*. NXB Hội nhà văn, H. 2005.

(4) Nguyễn Đăng Điệp. «Cuốn theo chiều văn Nguyễn Huy Thiệp». Tạp chí Văn học. 18/5/2009.

SUMMARY

Nguyễn Huy Thiệp's stories incessantly concern for the meaning of life, the characters in his short stories usually feel lonely. He always wonders: Can people understand people? Why are the good usually miserable and unhappy? And he always shows his point: tragedy is a result of an unsuccessful desire, or it is the contradiction between desire and reality. The article mentioned Nguyễn Huy Thiệp's concern for the above matter.

Val trò của đức dục...

(Tiếp theo trang 9)

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011, tr.41.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011, tr.216.

SUMMARY

Ethics and moral education play an extremely important role for the development of human beings as well as society in general and in Vietnam in particular. It is proven in Ho Chi Minh thought and the actual situation of history. Vietnamese communist Party orientation of education and training in the new situation also clearly confirmed this problem. However, moral education has not been met the requirement in new situation at present time in almost universities. Therefore, the article focuses on reaffirming the role of moral education in university, and pointing out the solutions to improve the effectiveness for moral education in present day Vietnamese universities.